

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**Tập 583****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Minh Tuệ****Biên tập: Nguyễn Tâm****Thời gian: 07.09.2011****Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong**

Chư vị Pháp sư, quý vị đồng học, mời ngồi.

Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 769, hàng thứ hai: “*Vô Úy, là bốn vô úy, còn gọi bốn vô sở úy*”. Lần trước đã học đến đó.

Chúng ta giới thiệu trong Đại Trí Độ Luận nói bốn vô sở úy của Như Lai. Trong Đại Luận, còn bốn vô sở úy của Bồ Tát. Có hai loại vô sở úy: Một là Phật, loại thứ hai là Bồ Tát. Bốn vô sở úy tôi trình bày sau đây, đều nói về Bồ Tát.

Bồ Tát có định công, có trí tuệ, có thể quyết định rõ ràng, thuyết pháp giữa chúng sinh, không có tướng lo lắng, sợ sệt, bởi vậy mới gọi vô sở úy.

Thứ nhất: “*Vô sở úy năng trì*”. Năng trì là nói: “*Bồ Tát nghe tất cả pháp, thường có thể thọ trì, nhớ nghĩ không quên*”. Mấy chữ này rất quan trọng. Nếu không thể thọ trì thì không phải Bồ Tát, mấu chốt là ở chỗ hai chữ đó. Nghe pháp nhất định phải tin tưởng, lí giải, tiếp thu tất cả, y giáo phụng hành, như thế gọi là thọ trì. Nếu được nghe hiểu nhưng không thực hành, đấy là gì? Như thế là Phật học, bởi thế học Phật và Phật học là hai chuyện. Phật học chỉ có thể học được kiến thức thông thường trong Phật pháp, hiện tại chúng ta thường gọi là tri thức, không phải trí tuệ.

Trí tuệ là vô hạn, tri thức là giới hạn, họ vẫn cứ mê muội, không giác ngộ. Còn những thứ sâu rộng của tri thức, mỗi người không giống nhau, có liên quan tới những gì? Có quan hệ với tâm thành kính của họ, có quan hệ với trí tuệ đời trước. Chúng ta gọi là dữ sanh câu lai, có thể nói người đó, đời trước đã từng học, có liên quan với những thứ đó. Tuy đời trước có học hành, nếu đời này không chịu tu tập, những gì họ có được sẽ rất hữu hạn. Chỉ được tri thức Phật pháp, cũng có thể biện tài vô ngại, có thể nói thao thao bất tuyệt, vấn đề ở chỗ nào? Vấn đề ở chỗ đời này không được thành tựu, vẫn không đoạn được phiền não, không có cách nào nâng được cảnh giới mình lên.

Nếu làm đúng, nhiều thiện nghiệp, ít ác nghiệp, quả báo sẽ ở trời người. Nếu ý lại trí thông minh của mình, thế trí biện thông, nghiệp ác nhiều, thiện nghiệp ít, quả báo sẽ ở tam đồ, không thể không biết điều này. Bởi thế nhân

thiện trong đời quá khứ mỗi người, thiên bẩm không giống nhau, liệu có thành tựu chăng, vẫn còn ở sự giáo dục đời nay. Phần trước đã nói đến thiện tri thức, chúng ta nói suốt tám giờ, là mấu chốt việc thành tựu đời này của chúng ta.

Tuy đời trước học tập không nhiều, không có nền tảng chắc chắn. Nếu đời này gặp được thiện tri thức chân chánh, có thể tin, có thể hiểu, siêng thực tập. Có duyên đời này vãng sinh Tịnh độ, vấn đề của họ sẽ thực sự được giải quyết. Bởi vậy nhân đời trước rất có quan hệ, Phật pháp không nói nhân sinh, Phật pháp nói duyên sinh, duyên là duyên đời này. Bởi thế duyên hiện tại, thực sự có thể cầm chắc vận mạng, vì thế những lời đại sư Thiện Đạo nói rất hay, ngài nói Tịnh độ: Tứ độ tam bối cửu phẩm, tất cả đều do duyên không giống nhau, những lời đó là có thật.

Phật pháp truyền bá rộng rãi rằng, đại sư Thiện Đạo là Phật A Di Đà tái sanh. Đã là Phật A Di Đà ứng hoá đến Trung Quốc, những lời của đại sư Thiện Đạo, là lời của Phật A Di Đà. Đây là vị tổ thứ hai của Tịnh tông chúng ta, ngài thực sự có công phu, truyện kí đã viết, chúng ta tin đó không phải là bịa đặt. Ngài niệm một câu Phật hiệu, miệng phát ra ánh sáng, trong ánh sáng có Phật, đây không phải là người thường. Ánh sáng có Phật, lịch sử chúng ta ghi lại, đại sư Thiện Đạo có hiện tượng đó.

Bởi thế điều quan trọng nhất của Bồ Tát: “*Là thường thọ trì, ghi nhớ không quên*”, như thế trong Phật pháp mới là người đệ tử chân chính của Phật, muốn đạt đến mức ghi nhớ không quên, nhất định phải đọc nhiều. Cổ nhân dạy: “*Đọc sách nghìn lượt, tự thấy nghĩa lí*”, đạo lí ở đây là gì? Khi đọc nghìn lượt, tâm đã định, định mới sinh tuệ, đạo lí ở chỗ đó.

Chúng ta, điều khúc mắc nhất đó là tính khí nóng nổi, tâm không định, làm sao biết được tâm không định? Niệm Phật sẽ thấy, sẽ phát hiện tâm không định, tĩnh tọa sẽ thấy được, vẫn ngồi xếp bằng ở đấy. Nhưng ngồi năm phút còn được, mười phút là không ổn, vọng niệm đã nổi. Giờ chỉ tịnh trong niệm Phật đường, thấy rất rõ hiện tượng này, có công phu hay không giờ này sẽ thấy.

Vấn đề này quan hệ rất lớn với việc tu hành của chúng ta, phải hiểu Phật pháp. Bất luận tông phái nào, pháp môn nào, cái gọi là tám vạn bốn nghìn pháp môn, pháp môn vô lượng, tu những gì? Tất cả đều tu định, tam học giới định tuệ. Giới là phương pháp, có nhiều phương pháp, định chỉ có một. Ta dùng phương pháp gì, để tâm bạn được định, chỉ cần tâm định, phương pháp không quan trọng, phương pháp nào cũng được.

Chúng ta thường dùng, Tịnh tông thường dùng trì danh niệm Phật, nghĩa là niệm Phật A Di Đà, để giữ tâm định. Bề thực sự biết niệm, trong tâm chỉ

A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật, buông bỏ tất cả tạp niệm. Gọi là nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, như vậy mới được, nhất tâm phải được thực hiện hàng ngày. Phải biết rằng thế gian này là giả, không có thật.

Kinh Kim Cang nói rất hay: “*Như mộng huyễn bào ảnh*”. Trong Chứng Đạo Ca đại sư Vĩnh Gia nói: “*Trong mộng rõ ràng có sáu cõi*”, sáu cõi là luân hồi lục đạo. Luân hồi lục đạo như giấc mộng, hoàn toàn là sự thật, tỉnh dậy không thấy gì nữa, cần gì phải chấp trước? Cần gì tính toán? Sao không chịu buông bỏ? Buông bỏ tâm sẽ định ngay, nếu tâm thực sự định, có thể thấy Phật.

Bồ Tát Đại Thế Chí đã nói rất hay: Nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai chắc chắn thấy Phật, lúc nào có thể thấy Phật? Thực sự định bạn sẽ thấy Phật, tâm lí xao động, nhiều tạp niệm trong tâm, chần chẫn không thể thấy được, đạo lí này cần phải hiểu. Nếu tín tâm, thực sự có tín tâm không sanh khởi được, phát nguyện không khẩn thiết, muốn vãng sanh nhưng quỵên luyến thế gian. Nguyên nhân đó là do không nhận thức rõ ràng hai thế giới nên mới xảy ra hiện tượng đó. Nếu bạn nhận thức rõ ràng thế giới Cực lạc, thế giới này cũng rõ ràng, chắc chắn sẽ có nguyện vọng rất khẩn thiết, ước gì có thể vãng sinh tức khắc.

Những vấn đề này kinh giáo có thể giúp được, tại sao phải nghiên cứu kinh giáo? Nâng cao chánh niệm chúng ta, tin thật, nguyện thiết, mục đích của nghiên cứu là ở chỗ đấy. Đã phát khởi tin thật nguyện thiết, nghe kinh hay không cũng không quan trọng, niệm hay không cũng không quan trọng. Cả đại chúng cùng tu, tụng bộ kinh trước khi niệm Phật, phần nhiều niệm Phật A Di Đà, tại sao phải tụng bộ kinh này? Tụng bộ kinh là để thu nhiếp tâm, nhiều vọng niệm trong tâm, bộ kinh kia sẽ đưa tâm bạn định trở lại, Phật hiệu mới có tác dụng, mới mang lại kết quả.

Niệm Phật khi loạn tâm sẽ mang lại kết quả không cao, định tâm, thanh tịnh tâm để niệm Phật. Như thế mới cảm ứng đạo giao, mới được gọi là mỗi tiếng Phật hiệu, mới có tác dụng cảm ứng đạo giao với Phật A Di Đà.

Chúng ta tu học pháp môn Tịnh độ, công phu niệm Phật không đắc lực, đã hiểu được nguyên nhân không đắc lực. Chúng ta phải đưa vấn đề, biết được vấn đề rồi phải giải quyết nó, niệm Phật mới như pháp, mới có cảm ứng.

“*Nên thuyết pháp cho mọi người, được vô sở úy*”. Trong đây, Bồ Tát chưa thành Phật, nhất định phải nhờ Phật gia trì. Những kiến thức thông thường chúng ta học rất quan trọng, ở đây là nói về kinh giáo, nhất môn thâm nhập là căn bản. Đây là phương pháp dạy học được truyền lại bởi nhà Phật và tổ tiên ngày xưa. Đầu tiên là nhất môn thâm nhập, mục đích của nhất môn thâm nhập là gì? Cầu trí căn bản, nghĩa là cầu định, cầu tuệ. Khi được trí căn

bản, thanh tịnh tâm sẽ có mặt, sau đó mới học rộng nghe nhiều. Giống như năm mươi ba chỗ tham học của đồng tử Thiện Tài, đây là tám gương rõ ràng nhất.

Chưa có trí căn bản, đừng bao giờ học rộng, càng học càng loạn, càng học càng rối, suốt đời này, bạn không được trí căn bản. Như thế chỉ bằng niệm Phật cầu vãng sinh Tịnh độ, trước độ chính mình đến thế giới Cực lạc, sau độ hoá người khác. Đến chỗ Phật A Di Đà, sẽ được bản nguyện Phật Di Đà gia trì, ta sẽ có khả năng, độ những người hữu duyên trong mười pháp giới. Thực sự có khả năng đó, có công phu thực sự mới được.

Thứ hai: “*Vô sở úy tri căn*”. Trước kia là khế lí, ở đây là khế cơ, biết được căn cơ chúng sinh. “*Tri căn, nghĩa là Bồ Tát biết các căn lợi độn của chúng sinh, tùy theo chỗ ứng của họ mà thuyết pháp, nên thuyết pháp trong chúng, được vô sở úy*”. Đây là có khả năng quán cơ, biết được căn tánh của mọi người. Tất nhiên biết được, những gì họ đã học trong đời trước, như vậy là tốt nhất, như thế sẽ rất khế cơ.

Cấp bậc Bồ Tát rất nhiều, trong Kinh Hoa Nghiêm, từ Sơ tín vị đến Đẳng Giác, năm mươi một thứ bậc. Sự khác biệt giữa trí tuệ, thần thông, đạo lực rất lớn. Bậc Sơ trú trở lên, đây là Viên giáo, Hoa Nghiêm là Viên giáo, trí tuệ, năng lực của họ gần bằng Phật. Bồ Tát Thập tín vị cũng rất tuyệt vời, từ Sơ tín đến Thất tín, đã đoạn được phiền não kiến tư, bằng A La Hán. Bát tín bằng Phật Bích Chi. Cửu tín và Thập tín là Bồ Tát Quyền giáo Đại thừa. Lên thêm nữa là minh tâm kiến tánh, vì thế không phải người phàm, đã là Sơ tín vị thì không còn phàm phu.

Sơ tín vị đã đoạn phiền não, bằng Sơ quả Tu Đà Hoàn, nghĩa là đã đoạn được năm thứ kiến hoặc. Buông bỏ thân kiến, buông bỏ biên kiến, chắc chắn không còn đối lập, không còn ý niệm đối lập. Người thực sự đối xử bình đẳng với tất cả người và sự vật, họ không còn phân biệt, buông bỏ thành kiến, họ có thể tùy duyên. Chưa buông bỏ thành kiến, không thể nào tùy duyên, tùy duyên sẽ tự tại.

Trong Phật pháp, tùy duyên là thực sự rèn luyện, đích thực có công phu. Có nghĩa là, thấy ta có thể hay không thể nhẫn thọ được chăng. Hằng thuận chúng sinh, chúng sinh thuận nghịch gì cũng có thể tùy thuận, nhìn thấu được là có thể tùy thuận. Một câu trong Kinh Kim Cang có hiệu quả nhất: “*Phàm có hình tướng thấy đều hư vọng*”, lúc nào cũng nghĩ đến câu đó ta sẽ tùy duyên. Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh, thực sự tùy duyên. Nghĩa là không cho đó là thật, coi nó là thật sẽ không tùy duyên được, nhất định phải kiên trì cách nghĩ, cách làm của mình, phải kiên trì.

Bởi thế Bồ Tát tùy thuận, gì cũng được, tất cả đều bình đẳng. Bởi tự thân các ngài không nghĩ về mình, đã phá được thân kiến. Bồ Tát cấp thấp nhất là Sơ tín vị, nghĩa là lớp một Tiểu học, đây là Đại thừa. Tuy đã đoạn phiền não giống với Sơ quả Tiểu thừa, nhưng trí tuệ khác nhau, trí tuệ cao hơn Tu Đà Hoàn của Tiểu thừa nhiều. Điểm này Đại thừa và Tiểu thừa không giống nhau, bởi thế họ có thể quán cơ, họ có thể ứng cơ thuyết pháp, vô sở úy khi thuyết pháp trong đại chúng.

Thứ ba: *“Vô sở úy quyết nghi. Quyết nghi, cắt đứt tất cả những nghi ngờ của chúng sinh, nghĩa là nếu có một ai đến hỏi những điều khó, Bồ Tát có thể đáp một cách chắc chắn như pháp, nên thuyết pháp trong đại chúng, được vô sở úy”*. Ở đây, nếu có những điều nghi ngờ, nghi vấn, đến thỉnh giáo, ta sẽ được giải đáp. Đây là việc làm không hề dễ, tất cả chúng sinh già trẻ nam nữ, các ngành các nghề, những vấn đề lạ lùng rất nhiều, gặp những vấn đề đó sẽ làm sao? Những vấn đề đó chắc sẽ gặp.

Trước đây, mỗi tuần chúng ta có một khoảng thời gian trả lời những câu hỏi, chuyên giải đáp thắc mắc, rất nhiều năm trước. Điều này được ghi chép lại, hình như đã in ra rất nhiều cuốn Vấn Đáp, chúng ta ứng phó với thái độ thế nào? Khổng Tử nói: Biết nói biết, không biết nói không biết. Những thứ biết được chúng tôi sẽ trả lời, những thứ không biết, cứ chân thành nói, vấn đề này chúng tôi chưa tìm hiểu, tôi không phải Phật cũng không phải Bồ Tát, tất nhiên có điều hiểu rõ có điều không. Nói chung là với thái độ phải khiêm cung, tuyệt đối không có thái độ cao ngạo.

Những vấn đề được trả lời phải có căn cứ, những điều Phật đã nói, những điều đại đức tổ sư đã nói. Bởi thế, về vấn đề này, như kinh điển, những chú giải của các bậc đại đức, xem nhiều sẽ có sự trợ giúp rất nhiều. Đây là quyết nghi, sẽ giúp mọi người đoạn nghi sinh tín, giải đáp như lí, như pháp.

Sau cùng: *“Vô sở úy đáp báo. Đáp báo, dùng ngôn từ ứng đáp, thù báo những câu họ hỏi”*. Đây là gì? *“Phàm những vấn nạn khi chúng sinh nghe, Bồ Tát sẽ đáp tùy ý, như pháp, bởi thế thuyết pháp trong chúng, được vô sở úy”*. Những người cố ý đến làm phiền, đưa những chuyện khó đến hỏi, nói chung là mong đưa những vấn đề để bẻ gãy ta, để ta không thể tả lời, có như thế chẳng? Có, đâu đâu cũng thấy, đều có những người như thế đến làm phiền. Chúng ta nghĩ những pháp sư lên bục giảng kinh, đều gặp những chuyện như thế.

Bởi thế học tập không thể không khiêm tốn, không thể không siêng năng, phải mở trí tuệ. Trong những trường hợp như thế, sức ứng biến phải nhanh, phải mẫn tiệp, phải mạnh. Không có năng lực ứng biến, sẽ rất khó khăn, khi gặp không biết sẽ xử lý như thế nào. Thậm chí rất nhiều người gây sự vô lí,

nói những lí lẽ sai lệch, coi như họ thử mình, nhưng cần phải tiếp thu. Bởi thế mới học giảng kinh, mới học giảng kinh đừng sợ sau mình có thầy.

Chúng tôi Đài Trung, khi học giảng kinh đừng sợ bị hỏi, hỏi đến vấn đề gì, ta không trả lời được, ta sẽ thưa với thầy, thầy sẽ giải đáp. Nhưng khi ta đi giảng những nơi khác, không phải như thế, thực sự phải đi trên năng lực ứng đối của mình. Nhất là đi ra nước ngoài, người trong nước khá khách sáo, không đến nỗi gây phiền cho pháp sư, ở nước ngoài rất nhiều. Tập tục nước ngoài không giống Trung Quốc, HongKong cũng có vấn đề này, chuyên môn đến làm phiền. Nhất là những bộ kinh ta học, phải thuộc, phải khế nhập. Họ hỏi những kinh khác, tôi chưa học, như vậy còn được. Còn như học bộ này, giảng bộ này, người ta đưa ra vấn đề, như vậy cần phải có khả năng giải đáp. Với những điều ta giảng, những điều ta học, mà không thông thuộc, như thế là hỏng, bản thân phải khiêm tốn. Chúng tôi đã từng gặp, gặp rất nhiều, vẫn may là chưa bị ai dè bẹp.

Mấy năm trước khi ở Australia, hiệu trưởng đại học Queensland mời tôi dùng cơm, đã hỏi đến vấn đề này. Lúc bấy giờ tôi đã đi dạy bốn mươi ba năm, mười năm trước, bây giờ là năm mươi ba năm. Bốn mươi ba năm trước, ông hỏi tôi, trong bốn mươi ba năm qua, có học sinh hay người nào đưa ra câu hỏi mà thầy không trả lời được chăng? Tôi nghĩ một lúc rồi nói, tôi may mắn vẫn chưa gặp. Lúc đó ông khen ngợi nói, thầy thực sự là một hiệu trưởng tốt, liền quyết định trao tặng học vị cho tôi, coi như cuộc thi vấn đáp, hiệu trưởng quyết định trao tặng học vị cho tôi. Quả thực là Tam bảo gia trì.

Trước khi giảng kinh, trước mặt Phật Bồ Tát lạy ba lạy, là cầu gia trì. Tất cả những thứ đó là thầy giáo dạy, nhất định mong cầu Phật Bồ Tát gia trì. Khi chúng ta gặp khó khăn, khi mới học kinh, đọc không hiểu chú giải của cổ nhân. Đôi lúc đọc trong kinh, chắc chắn sẽ có những đoạn chú không rõ, gặp trường hợp như vậy sẽ làm thế nào? Thầy giáo dạy chúng ta gấp tất cả các kinh lại, đi lạy Phật, lạy khoảng hai ba trăm lạy, sẽ thấy rõ nghĩa ngay. Ý nghĩa của nó sẽ như những dòng nước suối vọt ra, ta chép không kịp. Những trường hợp như thế không phải một lần, rất nhiều, thường xảy ra, vì thế cảm ứng không thể nghĩ bàn.

Học Kinh Vô Lượng Thọ, thì lạy Phật A Di Đà; học Phổ Môn Phẩm, thì lạy Bồ Tát Quán Thế Âm; giảng Phổ Hiền Hạnh Nguyện, thì lạy Bồ Tát Phổ Hiền, có cảm ứng ngay. Khi gặp những vấn nạn này ta nên lạy Phật.

Có một năm tôi ở Nhật Bản, gặp một mục sư Tin Lành, giáo sư Đại học đến phỏng vấn. Trên truyền hình, hình như không phải phát đồng bộ, chúng tôi tiếp nhau trong phòng thu. Trong phòng thu đó, chỉ có chúng tôi, phòng

thu của Nhật Bản, ở Tokyo. Trong đó nóng, nhiệt độ khá cao, người toát mồ hôi.

Ông đến phỏng vấn tôi năm mươi phút, hỏi mười mấy vấn đề, tôi đều trả lời hết, ông vui lắm. Ông nói với tôi, hình như không có điều nào bề gãy được thầy? Tôi nói không dám, tự thân tôi không nói được những câu đó. Ông nói tôi nói còn một vấn đề nữa, có một vấn đề rất gai góc muốn hỏi, tôi nói xin cho biết vấn đề? Ông hỏi_ Ông là người Tin Lành, ông nói giáo đồ Tin Lành chúng tôi, hình như tâm lượng hơi hẹp, không thể bao dung, ông hỏi vấn đề đó làm sao giải quyết?

Ông đưa vấn đề đó ra, may là tôi đã đọc Thánh Kinh, tôi nói vấn đề này, trong Thánh Kinh có, có lời giải. Ông hỏi, đoạn nào? Tôi nói Thánh Kinh có nói: *“Thần thương loài người”* chẳng? Có, Thượng đế yêu thương loài người chẳng? Có. Tôi nói thế thì vấn đề đã được giải quyết. Thần thương người đời, Thượng đế yêu loài người, quý vị không yêu loài người sao được? Tôi nói với ông: Thượng đế thương tôi, không thương ông, ông ta ngán người. Ông nói Thượng đế làm sao thương thầy mà không thương tôi được? Tôi trả lời, tôi là người đời, trong kinh nói Thượng đế thương người đời, tôi là người đời. Ông xem tôi cũng yêu Thượng đế, tôi lại thương người đời, Thượng đế thương tôi, tại sao không thương ông? Ông thương Thượng đế, không thương người đời, nên Thượng đế không yêu ông.

Ông ta ngó người, nói vậy phải làm sao? Tôi nói Thượng đế thương loài người là trừu tượng, Phật Bồ Tát từ bi cũng là trừu tượng, Phật Bồ Tát từ bi thế nào? Tôi nói tình yêu của thánh thần, từ bi của Phật Bồ Tát, đều cần những người nhân viên thần chức giống như ông. Đối với tín đồ Phật Bồ Tát, ta phải đưa tình thương của Phật Bồ Tát, đưa từ bi của Phật Bồ Tát, làm phát ra ánh sáng trên thân thể mình. Đại diện cho Thần, đại diện Phật Bồ Tát, để yêu thương mọi người trong xã hội, như thế mới đúng, nghe xong ông rất vui. Chúng tôi kết bạn với nhau như thế.

Đến Nhật Bản, gọi điện thoại, ông đến thăm ngay. Ông trẻ hơn tôi, năm nay độ hơn sáu mươi, rất khó được. Bởi vì đây thực sự là giáo sư người Tin Lành, tâm hồn rộng rãi, rất hiếm có. Đây là câu trả lời, đây là bốn loại vô úy của Bồ Tát, chúng ta học vô úy đến đây.

Tiếp theo nói về vô ngại: *“Vô ngại, tự tại thông đạt, cùng nhau bước vào, dung thông hai thành nhất thể, như ánh đèn cùng đi vào nhau, đây là tướng vô ngại”*. Vấn đề này rất quan trọng, nhất là học Đại thừa, làm sao để rộng mở tâm lượng mình? Ở đây nói về việc rộng mở tâm lượng: *“Tâm ôm thái hư, lượng trùm sa giới”*, đây là tâm lượng vốn có của ta.

Bây giờ tâm lượng thành nhỏ, không thể bao dung. Hai người sống với nhau vẫn xảy ra mâu thuẫn, không thể sống chung, nguyên nhân do đâu? Không thể dung thông. Trong Hoàn Nguyên Quán chúng ta thấy ba thứ châu biến: Thứ nhất là chu biến pháp giới, chu biến thế nào? Khởi tâm động niệm, ý niệm, không kể hữu ý hay vô tình, không kể là niệm thiện hay niệm ác, ý niệm vừa khởi lên liền chu biến pháp giới. Nói cách khác, tất cả những chúng sinh trong cõi hư không khắp pháp giới, đều nhận được thông tin của bạn. Trong Kinh Hoa Nghiêm đã nói như thế.

Bởi thế khởi tâm động niệm, không thể không cẩn thận, không thể không lưu tâm. Bởi vì ý niệm của ta, sẽ sinh ra biến hóa vô cùng vô tận, xuất sinh vô tận, tất cả pháp đều chuyển theo ý niệm. Ý niệm bất thiện, cảnh giới hiện ra sẽ bất thiện. Địa cầu ngày nay trở nên thế này, xã hội trở nên thế này, ý niệm như thế nào? Ý niệm tham sân si mạn nghi, sát đạo dâm vọng, sát đạo dâm vọng là hành vi. Tại sao chúng ta đọc sách xưa, thời đại Nghiêu Thuấn cách cai trị đại đồng. Ba đời Hạ Thương Chu cách cai trị trung lưu. Từ đời Hán đến đời Thanh, nổi tiếng nhất là cách cai trị của Văn Cảnh Đế, và Trinh Quán, Khai Nguyên đời Đường; Khang Hi, Càn Long đời Thanh, trong đó có cả Ung Chính. Trong lịch sử đều ghi là thịnh thế.

Tại sao xã hội tốt đẹp như thế, dân chúng hạnh phúc? Tất cả đều nhờ vào giáo dục, dạy người rất tốt, dẫn đến hiệu quả tốt như thế. Tại sao bây giờ lại ra nông nổi này? Chúng ta có thể nói, Trung Quốc đã xem nhẹ truyền thống giáo dục cổ thánh tiên hiền. Một trăm năm trước đã coi nhẹ, nghĩa là một trăm năm cuối của thời Mãn Thanh. Do thái hậu Từ Hi không tôn trọng văn hoá truyền thống, không tôn trọng Nho Phật Đạo. Trên bảo dưới nghe, người trên không coi trọng, thuộc hạ coi thường. Ngày càng lạnh nhạt với lòng tin văn hoá truyền thống, dục vọng danh lợi ngày càng tăng lên.

Sau khi Mãn Thanh mất nước, từ Dân Quốc đến nay là một trăm năm. Một trăm năm đó đã suy đồi, trăm năm trước coi thường, trăm năm này không nghe nói đến. Trước kháng chiến còn nghe người nói, sau kháng chiến không còn người nói nữa. Sau kháng chiến sáu mươi năm không còn nghe ai nhắc đến nữa, những người nào thay thế dạy dỗ? Bây giờ truyền hình dạy, Internet dạy.

Sáu mươi năm trước, khi chúng ta mới học Phật, ở Đài Loan sáu mươi năm trước, chúng ta vẫn chưa có truyền hình màu, chỉ có đen trắng. Thầy Phương Đông Mĩ, chỉ vào cái ti vi nói với tôi, con nên nhớ công cụ này, tác dụng của nó rất lớn, có thể hưng vượng một quốc gia, có thể diệt vong một quốc gia. Công cụ này vốn không có thiện ác, truyền bá những thứ bất thiện, nước sẽ mất, truyền bá luân lí, đạo đức, quốc gia hưng vượng. Thậm chí còn

đưa ra một thí dụ, tương lai nước Mỹ sẽ mất, nghĩa là mất ở chỗ đó. Lúc bấy giờ cảnh cáo Đài Loan, Đài Loan nên coi chừng, đã có xu hướng như thế.

Bởi vậy thầy bảo tôi, tương lai có thể lợi dụng những thứ này để hoằng pháp. Tuy lúc đó thầy nói, nhưng không để lại ấn tượng, tại sao? Tiền để mua những thứ này quá lớn, tôi không có phước báo lớn như thế, không có khả năng! Thầy nói coi như không nói, không ngờ đến năm 2003, Trần Thái Quỳnh đã làm việc này, thật hông ngờ. Cư sĩ họ Trần này chúng tôi quen đã lâu, năm trước chúng tôi mất niềm tin với bà. Buôn bán ở Mỹ, năm nào cũng lỗ vốn, lỗ mấy năm liền, ít nhất cũng lỗ bảy, tám năm, tôi biết được, năm nào cũng lỗ, không năm nào lời. Cũng may nhà bà cũng khá, lỗ bèn quay sang bán nhà, bán đất, mấy năm nay đã có lãi, nói chung trong ngành kinh doanh, đã rút tĩa những kinh nghiệm.

Bà làm kênh truyền hình, chuyên phát chương trình giảng kinh dạy học, đối với bà thấy có lợi ích. Đây là phước đức bà thực sự tu tập được, bởi thế mấy năm nay càng ngày càng phát triển.

Công cụ này, có tầm ảnh hưởng rất lớn, cả thế giới đều xem được, nó đã làm lan truyền Phật pháp. Chúng ta không ngờ, tác phong bà đã thay đổi. Khi còn trẻ, công việc chưa tiến hành đã nói với mọi người, tôi sẽ làm cái này, làm cái kia, cuối cùng đều thất bại. Duy chỉ việc làm này bà giấu nhẹm, không cho ai biết, tôi cũng không biết. Trước khi bắt đầu lên sóng một tuần, gọi điện thoại cho tôi: Con đã làm một đài truyền hình ba vệ tinh, muốn phát những kinh giảng của tôi. Lúc bấy giờ là băng hình, vẫn dùng băng. Tôi nói tốt quá, tất cả băng hình đưa cho bà.

Tôi nói được rồi, để xem bà có làm được một tuần chẳng, tôi biết những thứ đó, mỗi ngày tiêu tốn bao nhiêu, làm gì có nhiều tiền để duy trì! Một tuần trôi qua, tôi nói được rồi, để xem bà làm được nửa tháng chẳng, không có niềm tin! Nửa tháng trôi qua, tôi nói được rồi, xem bà có thể làm được ba tháng chẳng. Không ngờ đến nay là năm thứ chín, càng ngày càng phát triển, chín năm rồi. Bởi thế người có thiện tâm sẽ được thiện quả, ác tâm có ác báo.

Bà không bằng Đạo Thạnh Hoà Phu người Nhật Bản, nếu bà dùng ý tưởng của Đạo Thạnh Hoà Phu để làm, sự nghiệp của bà sẽ tuyệt vời hơn! Đạo Thạnh Hoà Phu hoàn toàn tiếp thu văn hoá truyền thống cổ thánh tiên hiền xưa, ông không dùng phương thức của phương Tây, mà dùng lý niệm của phương đông. Quý vị hỏi ông, trả lời thẳng thắn như vậy: Trí tuệ, phương pháp của ông từ đâu mà có? Là học được của tổ tiên ngày xưa, từ hai nghìn năm trước, ba nghìn năm trước. Bởi thế lý niệm của ông, thực sự là lý niệm của Thánh hiền. Thánh hiền không vì mình, khởi tâm động niệm đều nghĩ đến mọi người.

Bởi thế ông nói triết lí kinh doanh của ông, lí niệm cơ bản của kinh doanh, làm xí nghiệp, kiếm tiền từ nhà máy, tiền kiếm được đưa cho ai? Người ngoại quốc làm ông chủ, ông không phải như thế. Thứ nhất là chia cho công nhân, công nhân được lợi ích. Tiếp đến khách hàng được lợi, khách hàng hưởng lợi. Tiếp theo mới đến công ty, lợi ích công ty đặt sau cùng, lợi ích công nhân đặt lên hàng đầu. Đây là điều Mạnh Tử đã nói, đúng là hai nghìn năm trăm năm trước: “*Dân vi quý, quân vi khinh*”, phải phân rõ nặng nhẹ.

Ông chủ là dùng trí tuệ, nhưng nếu công nhân không thúc đẩy, thế nào ta cũng thất bại. Ta thúc đẩy được là nhờ công nhân, nên phải săn sóc công nhân thật tốt. Lợi ích là của tất cả mọi người, không phải cá nhân. Lí niệm này rất tuyệt vời, không có tư tâm, ông ta đã thành công, vô ngại.

Bởi thế: “*Tự tại thông đạt, cùng nhau thâm nhập, dung hoà hai thành một thể*”, hai là gì? Tất cả chúng sinh, tất cả chúng sinh với ta là nhất thể. Thể là tâm linh, nhất tâm nhất đức, bất kì làm một việc gì, đều thành công rực rỡ, tại sao? Ta có thể cùng với mọi người nhất tâm, nhất thể.

Phần sau đưa ra thí dụ: “*Như ánh sáng hoà trộn lẫn nhau*”, trong bạn có tôi, trong tôi có bạn. Ánh sáng mấy ngọn đèn trong phòng học chúng ta, bất kì một ánh sáng nào, đều có ánh sáng khác, ánh sáng đan xen, không thể chia tách.

Đạo Thanh Hoà Phu là ông chủ một công ty, không tách rời công nhân, nhất thể, công nhân đều tự giác. Bởi thế việc kinh doanh của ông, vĩnh viễn đứng trên vị trí bất bại, tất cả những phong ba, như không liên can đến ông. Làm việc bằng tấm lòng, tuyệt nhiên không đầu cơ trục lợi, thực sự đứng trên đôi chân. Được chừng nào tiền làm chừng đó việc, không vay nợ ngân hàng, mắc nhiều nợ ngân hàng, lợi tức sẽ ít đi. Ngân hàng bảo ông đầu tư vào nhà đất, ông không làm, ông nói đây là đầu cơ buôn bán, giống như những nhà giàu mới nổi. Đây là ngòi mát ăn bát vàng, không nên dây vào những chuyện đó. Tôi phải kiếm tiền bằng chính mồ hôi của mình, không dùng mồ hôi nước mắt của tôi, tôi không cần đồng tiền đó.

Mấy năm sau, kinh tế của Nhật Bản xuất hiện sự cố, những nhà đầu tư vay tiền ngân hàng, ngân hàng phải thu hồi, tất cả đều bị đóng cửa, thất bát rất lớn, ông không hề hấn gì. Bởi thế có người hỏi ông, có phải ông viết trước vấn đề? Ông trả lời không, tôi không có khả năng đó, tôi chỉ làm việc bằng tấm lòng, tuyệt đối không tham tiền bất nghĩa. Bởi thế ông không bị vùi dập, nhưng đơn hàng ít đi trong thời buổi kinh tế tiêu điều. Rất nhiều công nhân, không có việc làm, không có đơn hàng, phải làm sao? Để công nhân đi học mỗi ngày, nâng cao tri thức và tay nghề họ lên. Khi mọi việc trở lại bình

thường, thành tích của ông lại được đề cao, không giảm nhân công. Không những không giảm nhân công, ngay trong công ty, những người làm công tạm thời cũng không cắt.

Bởi thế khi công tác tại công ty của ông, họ có cảm giác yên tâm, họ được che chở. Quý vị nuôi mấy miệng ăn trong nhà, cuộc sống sẽ không vấn đề, ông săn sóc bạn.

Bởi thế, dung hoà hai thành nhất thể, câu này quan trọng nhất, đây là lí niệm của Phật Bồ Tát. Phật Bồ Tát thực sự biết, cả cõi hư không khắp pháp giới nhất thể với mình, ai biết được? Vẫn còn phân của người của ta, thích cái này ghét thứ kia, đây là mê hoặc. Trong Phật pháp, Bồ Tát Sơ tín vị Đại thừa, vấn đề này đã được giải quyết, trong Tiểu thừa, Sơ quả Tu Đà Hoàn cũng đã giải quyết được. Có nghĩa là họ không còn đối lập.

Điều đầu tiên biết được, là thân không phải ta, thân cũng là ta, sao lại nói không phải ta? Không nên chấp trước thân này là ta, làm sao nói là ta? Thân là một tế bào trong đại ngã, giống như thân thể chúng ta, là cả vũ trụ, thân thể của ta đây là gì? Một cọng lông trên người, bây giờ chấp cọng lông đó là của ta, những thứ khác không phải là ta, sai lầm. Ta nói toàn thể là ta, cọng lông đó không phải ta, cũng sai nốt, chắc chắn là nhất thể. Ánh sáng nhập vào nhau là tướng vô ngại, đây là thí dụ, thí dụ rất hay.

Phần sau trong Vãng Sinh Luận Chú nói: “*Vô ngại, là biết sinh tử là Niết bàn*”. Sinh tử là sinh diệt, Niết bàn là bất sinh bất diệt. Sinh diệt và bất sinh bất diệt hình như là hai việc khác nhau, nhưng thực tế chỉ là một. Thực tế mà nói thì có sinh tử chăng? Không có.

“*Nhập vào bất nhị môn, tướng vô ngại như thế*”. Trong Kinh Bát Nhã nói: “*Tướng tức phi tướng, phi tướng tức tướng*”, vấn đề này trong Hoàn Nguyên Quán, chúng ta đã thấy đại sư Hiền Thủ khai thị cho chúng ta: Từ nhất thể khởi nhị dụng. Câu này nói rất rõ ràng, nói rất minh bạch, nói rất thấu triệt. Nhất thể là gì? Nhất thể là tự tánh, tự tánh cũng là pháp tánh, nó là một không phải hai. Tất cả pháp thể xuất thế gian, đều được sinh ra từ đó, trong giáo lí Đại thừa cũng gọi nó là chân tâm.

Chúng ta có chân tâm, chân tâm là tương đồng, vọng tâm mới khác nhau. Chân tâm là một, còn gọi là chân tánh, hay gọi là chân như, còn gọi là thật tướng. Tất cả những danh từ này trong kinh Phật đều chỉ nó. Từ nơi đó khởi hai tác dụng, tác dụng thứ nhất là vũ trụ, nó biến hiện vũ trụ. Tác dụng thứ hai, biến hiện thân chúng ta, tất cả những thân ngoài chúng ta, đều bao gồm trong vũ trụ, vũ trụ là môi trường sống của chúng ta. Trong môi trường sống đó, có môi trường con người, có môi trường vật chất, đều là môi trường của chúng ta, tất cả đều do ta biến ra, giống như nằm mơ vậy.

Những gì thấy trong mơ, không phải là tất cả tâm tánh chúng ta biến hiện sao? Ngoài tâm tánh làm gì có mộng? Trong mộng có ta, có tất cả mọi việc, khi tỉnh mộng, ta nghĩ lại, tất cả đều do tâm ta biến ra. Không phải thực sự có người đến trong giấc mộng, không phải, tự tánh biến ra, nhất thể. Khi tỉnh dậy, không thấy gì cả, thường nghĩ đến cảnh giới đó chúng ta sẽ khai ngộ.

Những gì chúng ta đang gặp, tất cả con người, sự vật, là do tự tánh biến ra, những gì biến ra tại sao có thiện, có ác? Tâm chúng ta, chúng tử trong tâm tánh chúng ta, chúng tử trong a lại da có thiện, có ác. Chúng tử thiện biến ra thiện, chúng tử ác biến ra ác, ngoại trừ những thứ đó ra, không có pháp nào nắm bắt được. Tất cả những gì bạn thấy đều là ta, bản thân bạn không hiểu được, đấy gọi là mê. Phật Bồ Tát biết được, họ được gọi là ngộ, bởi vậy Phật Bồ Tát có thể bao dung.

Khởi nhị dụng, nhị dụng này là ba loại chu biến, ba thứ chu biến trong vũ trụ. Chúng ta khởi tâm động niệm đều có ba loại chu biến. Mỗi tế bào trên cơ thể chúng ta, tế bào này là hiện tượng dao động, khi nó dao động, cũng là ba thứ chu biến. Ba thứ chu biến: Thứ nhất là chu biến pháp giới, vì cõi hư không khắp pháp giới là nhất thể, nên mới động, cả vũ trụ đều biết được.

Tuần trước, có người đồng tu tặng tôi cuốn sách, hình như có tên Mạng Lưới Bao Trùm, tôi vẫn chưa xem, thấy danh từ đó đã biết nội dung. Cả vũ trụ là một mạng lưới, chúng ta không thể thấy mạng lưới đó. Nhưng bạn vừa động, bất kì một điểm nào trên lưới động, tất cả tín hiệu đều nhận được. Thân thể chúng ta đây, hiện tượng dao động cũng như thế, mỗi hiện tượng dao động, cả vũ trụ đều biết.

Trong kinh Phật nói về hiện tượng dao động này rất rõ ràng, Bồ Tát Di Lặc cho chúng ta biết, một búng tay có ba mươi hai ức trăm nghìn niệm. Ba mươi hai ức nhân trăm nghìn, một trăm nghìn là mười vạn. Ba trăm hai mươi triệu là một búng tay, nếu búng năm lần trong một giây, một nghìn sáu trăm triệu, đây là tần suất chấn động. Bởi thế vũ trụ là hiện tượng dao động, ngày nay nhà khoa học gọi là định luật dao động. Tất cả những biến hoá đều là ý niệm.

Bởi thế nếu một người nhập định, ý niệm dao động này sẽ suy yếu, đấy chính là định, cảnh giới thiền định. Định càng sâu thì tự trí tuệ Bát nhã trong tự tánh sẽ hiện ra. Hiện tại trí tuệ không thể có mặt, những thứ có mặt toàn là phiền não, đấy là do nguyên nhân nào? Nghĩa là ý niệm hiện tại của chúng ta, tần suất sóng động quá cao, sóng to gió lớn. Bởi thế biến trí Bát nhã thành phiền não, trong kinh nói: “*Phiền não tức Bồ đề*”. Tâm yên lặng, phiền não biến thành trí tuệ, khi tâm rối loạn, trí tuệ của chúng ta trở thành phiền não,

đức năng chúng ta biến thành nghiệp chướng, tướng hảo chúng ta biến thành chuyện lục đạo luân hồi.

Nếu khởi tâm động niệm, lời nói hành vi của chúng ta, tương ứng với tánh đức, mọi thứ hoàn toàn trở về chỗ cũ. Phiền não thành trí tuệ, nghiệp chướng trở thành đức năng, lục đạo trở thành thế giới Cực lạc. Bởi thế, không có thứ gì là không tự tác tự thọ!

Phật giúp chúng ta những gì? Thực ra không giúp gì cả, Phật chỉ nói chân tướng sự thực ra, để ta tỉnh ngộ. Ta tỉnh ngộ hay không, đó là chuyện của ta, ngài không có cách gì khác, vấn đề đó ngài không thể giúp được. Chúng ta phải hiểu được, thấy rõ, quay đầu là bờ, phàm phu thành Phật chỉ trong một niệm. Thay đổi ý niệm là có thể thành Phật. Hiểu rõ ràng mình bạch rồi, lập tức buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, sẽ thành Phật. Buông bỏ chấp trước thành A La Hán, buông bỏ phân biệt thành Bồ Tát, buông bỏ khởi tâm động niệm sẽ thành Phật ngay. Bởi thế phàm phu thành Phật chỉ trong một niệm.

Đại sư Huệ Năng đã làm gương cho chúng ta xem, lúc bấy giờ, lúc ngài buông bỏ chỉ mới hai mươi bốn tuổi, rất trẻ, Ngũ Tổ vừa nói ngài đã thấy rõ, thấy rõ liền buông bỏ, buông bỏ là thành Phật, y bát liền trao cho ngài ngay. Sau khi buông bỏ như thế, thứ gì cũng thông, bởi thế không cần giảng kinh nữa. Ngài biết tất cả những kinh do Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết trong bốn mươi chín năm, không những tinh thông, mà còn biết được tất cả mọi thứ trong thế gian, thông một là thông tất cả, tại sao? Tất cả pháp, đều từ tâm hiện, đều là thức biến. Nếu nắm được tâm tánh, nắm rõ tánh thức, còn thứ gì ta không thông? Thông hết, đấy gọi là thành Phật, vấn đề đã được giải quyết. Ngài biết được từ đâu sinh ra, mất rồi sẽ đi đâu, rất rõ ràng, như ban ngày, thực sự đại tự tại!

Trước khi vãng sinh hai năm ngài đã biết được, bảo người quay về nhà xây tháp cho ngài. Sau khi mất, đưa nhục thân vào tháp đó, hai năm! Rõ ràng như ban ngày, với quá khứ, với hiện tại, với vị lai, thấy biết rõ hết. Bởi thế vô ngại, thế nào gọi là vô ngại? Dung thông nhất thể là vô ngại, đấy là có thật. Mỗi vị Bồ Tát, mỗi đức Phật, mỗi vị La Hán đều đi vào cảnh giới đó.

“Tông Hoa Nghiêm dựa trên tứ pháp giới, căn cứ Đại Minh Pháp Số”, ở đây chỉ tóm lược: “Một, sự pháp giới, nghĩa là pháp sắc, tâm... của chúng sinh”. Sắc là hiện tượng vật chất, tâm là hiện tượng tinh thần, ngày nay nhà khoa học gọi là tín hiệu. Vân vân nghĩa là còn có hiện tượng tự nhiên.

Ngày nay nhà khoa học nói trong vũ trụ chỉ có ba loại hiện tượng này. Trên thực tế trong Phật pháp gọi là ba loại hiện tượng của A lại da. Nghiệp tướng của A lại da, là hiện tượng tự nhiên, nghĩa là năng lượng. Kiến phần

của A lại da, nghĩa là tín hiệu, là hiện tượng tinh thần. Tướng phần của A lại da là hiện tượng vật chất. Gần đây các nhà khoa học mới phát hiện ra những thứ này, trong vũ trụ chỉ có ba loại đó. Tất cả những thứ khác đều do ba thứ hiện tượng này biến hoá ra, đây là những kết luận khoa học.

“Mỗi mỗi sai biệt, mỗi thứ đều có chia tách, nên gọi là sự pháp giới”. Sự pháp giới hoàn toàn được xây dựng trên hiện tượng. Vạn tượng sum la, là nói về mặt sự, thứ hai là nói về mặt lí, sự là hiện tượng. Xét về lí: *“Là nói các pháp sắc tâm...của chúng sinh, tuy có sai biệt, nhưng đồng nhất thể tánh”*. Đây là lí, là thể tự tánh thanh tịnh viên minh, *“Nên gọi lí pháp giới”*. Lí ở đây, trong triết học gọi là bản thể, sự pháp giới, triết học gọi là hiện tượng. Sự từ lí biến ra, lí do sự mà hiện ra, không có sự lấy đâu ra lí? Quý vị không cách nào thấy được lí, thấy lí từ sự, đó là điều rất cao minh! Ai thấy được?

Ngày trước chúng ta thấy trong Thiên tông, Ngũ Đẳng Hội Nguyên của Thiên tông. Một nghìn bảy trăm trường hợp, họ đều là những vị minh tâm kiến tánh, họ có bản lĩnh từ trong tướng thấy được lí thể, tại sao? Tướng do lí biến ra, không có lí này lấy đâu ra sự? Tất cả động vật, tất cả thực vật, cây cỏ hoa lá, núi sông đất đai, mây mù trong không trung, những hạt căn bản trong bầu trời, đang chuyển động, đang bay. Khí hậu, đây gọi là chênh lệch nhiệt độ, tất cả đều do thể biến ra, không thể tách rời thể này, tách rời thể này thì không có thứ gì.

Có thể lấy thí dụ của cỏ nhân: Như vàng làm đồ dùng, tất cả đồ dùng đều là vàng, vàng ở đâu? Nói vàng tức là nói về lí, ta làm một nhẫn vàng, một chiếc vòng tay, một sợi dây chuyền, phải thế chẳng? Đúng, đây là vàng, không sai chút nào, lấy bất kì một thứ nào.

Bởi thế những lão Hoà thượng trong những tông môn này, những lão Hoà thượng minh tâm kiến tánh, trong số học sinh cũng có người khế nhập được cảnh giới, họ hỏi ở đâu? Giống như những gì? Quý vị kiến tánh, hình dáng của tánh thế nào? Tánh ở đâu, cứ chọn một vật, hét một tiếng chính là đó. Lão Hoà thượng gật đầu là ồ, bạn thực sự hiểu, thấy tánh từ trong tướng. Từ chiếc nhẫn thấy vàng, từ vòng tay thấy vàng, từ dây chuyền thấy vàng. Rời tướng tánh sẽ không còn, tánh tướng mãi mãi bên nhau, trước tướng sẽ không thấy tánh.

Nếu khăng khăng chấp chặt chiếc nhẫn này, đây không phải vàng, đây là chiếc nhẫn, đây là dây chuyền, đây không phải vàng. Chấp trước tướng sẽ không thấy tánh, lia tất cả tướng tức tất cả pháp, tất cả pháp đó là lí, bạn đã thấy rồi. Tánh là tương đồng, là một, bởi thế nó có thể dung thông làm nhất thể. Cõi hư không khắp pháp giới cùng với ta là nhất thể, không phải giả.

Thứ ba gọi là: “*Lí sự vô ngại pháp giới*”, “*do lý mà sự hiện*”, từ sự hiển lí. Chỉ cần không trước sự tướng, sẽ thấy được tánh thể. “*Nắm sự lí thành*”, sự từ đâu mà có? Sự biến hiện từ lí, không có lí thể lấy đâu ra sự? Không có vàng lấy đâu ra nhẫn? Lấy đâu ra vòng tay? Lấy đâu ra dây chuyền? Không có! Bởi vậy: “*Lí sự hỗ tương dung hòa*”, lí ở đâu? Lí ở trong sự, sự ở đâu? Sự ở trong lý, không thể chia tách lí và sự ra được. Tự tánh ở đâu? Cả hư không khắp pháp giới, nó không nơi nào không có, không lúc nào vắng mặt. Nếu nó không có, giống như tỉnh dậy sau một giấc mơ, không còn gì cả.

Ý thức trong mộng tạo nên cảnh mộng, ý thức trong mộng được ví là lí, cảnh giới trong mộng là sự, lí với sự là một. Khi tỉnh dậy, cả lí và sự đều hết, không thấy nữa. Nằm mơ tiếp chưa chắc đã có cảnh cũ, từ chỗ này mà hiểu lí sự vô ngại, khi đã giác ngộ là sự sự vô ngại.

Câu cuối nói: “*Sự sự vô ngại pháp giới, là tất cả phân chia sự pháp, gọi là tánh dung thông, một nhiều tương tức, lớn nhỏ hỗ tương dung nhập, trùng trùng vô ngại, nên gọi là sự sự vô ngại pháp giới, còn gọi là vô chương ngại pháp giới*”. Đây là thực, bốn vô ngại pháp giới này, chỉ Hoa Nghiêm nói thấu triệt nhất, rõ ràng nhất, minh bạch nhất.

Sự sự vô ngại pháp giới ở đâu? Ngay trước mắt, trong giây phút này, vấn đề ở chỗ ta còn chấp trước không? Còn chấp trước không thể nhìn thấy, còn chấp trước là gì? Đắm chìm trong sự pháp giới. Không biết có lí pháp giới, chỉ biết sự không biết đạo lí, rắc rối sẽ rất lớn, vấn đề là gì? Chúng ta nghĩ sai, thấy sai, nói sai, làm sai, thiên tai liền xảy đến, tất cả đều do ta tạo. Nếu như thấy rõ, thực sự viên dung, sự sự vô ngại, sự sự vô ngại sẽ mang lại rất nhiều điều tốt đẹp.

Thế giới Hoa Nghiêm sự sự vô ngại, thế giới Cực Lạc sự sự vô ngại, Thật báo trang nghiêm độ của chư Phật sự sự vô ngại. Trang nghiêm thanh tịnh vô lượng, không gì sánh được, tất cả đều do tâm ta biến hiện ra, tại sao? Thanh tịnh tâm sẽ biến ra cảnh giới thanh tịnh, tâm ô nhiễm sẽ hiện ra cảnh giới ô nhiễm, tâm tính toán sẽ xuất hiện thế giới tính toán, không phải giống nhau đó sao? Bởi thế tất cả sướng khổ, buồn vui, tất cả đều do tâm ta tạo, nên bên ngoài hiện ra cảnh giới đó.

Vì thế Phật dạy chúng ta quay về, bỏ hết vọng tưởng để quay về. Quay về là quay về tự tánh, quay về tự tánh là thế giới Cực lạc, là thế giới Hoa Tạng. Nếu ta tiếp tục quay về, quay về trên tự tánh, Thường tịch quang, cảnh giới đó sẽ không còn nữa. Đây là cảnh giới đại sư Huệ Năng đã nhìn thấy: “*Vốn đã đầy đủ*”, sẽ ẩn mất.

Không còn hiện tượng là Thường tịch quang, Thường tịch quang có khởi tác dụng chăng? Khởi tác dụng, khởi tác dụng tùy lúc, chúng sinh có cảm, lập

tức sẽ khởi tác dụng. Tâm chúng ta cầu Phật, Phật lập tức có mặt, Phật từ đâu đến? Không có, ở ngay tại đây, không đi không đến. Không có cảm, ngài liền biến mất, ngài không còn nữa, ngài không có nơi đến, ngài không có nơi đi, ngài có mặt ngay lúc này. Đủ duyên ngài sẽ hiện hình, không những hiện thân Phật.

Giống Bồ Tát Quán Thế Âm, ba mươi hai ứng hiện trong Phổ Môn Phẩm, thân nào cũng hiện được. Không phải hiện theo cách của ngài, tự thân các ngài không khởi tâm không động niệm, mà tùy theo tâm chúng ta. Chúng ta mong cầu những gì, các ngài liền hiện thứ đó, biến hiện tự nhiên. Vì thế tâm hiện thức biến, những thứ có thể hiện là bản năng của tự tánh, những thứ có thể biến là ý niệm của ta. Tùy theo ý niệm của ta để sinh ra biến hoá, hiện ngay trước mắt ta.

Chúng ta phải hiểu rằng, ngày nay chúng ta niệm Phật A Di Đà, khi gần mất Phật A Di Đà đến tiếp dẫn chúng ta, Phật A Di Đà có đến chăng? Không đến, ngay giây phút này, hình dáng Phật A Di Đà như thế nào? Là do tâm chúng ta nghĩ, chúng ta nghĩ hình dáng thế nào, ngài liền hiện ra hình dáng ấy, tại sao? Ngài đến tiếp dẫn vẫn còn tùy thuận ta, chúng ta muốn hình dáng thế nào, ngài liền hiện hình thế ấy.

Đến thế giới Cực lạc sẽ khác, đến thế giới Cực lạc ta sẽ thấy tướng thực sự được hiện từ tự tánh, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẽ đẹp. Bởi vì thế giới Cực lạc không có thức, tám thức đều chuyển thành tứ trí, vì vậy thế giới Cực lạc không có biến hoá.

Hiện tại chúng ta ngày nào cũng thay đổi, người dần dà suy yếu, đây là gì? Đây là bởi ta có ý thức, có ý niệm. Khi đến thế giới Cực lạc ý niệm sẽ không còn, khi ý niệm không còn, biến hoá sẽ không còn, ta sẽ sống lâu vô lượng, sống đến ba đại a tăng kì kiếp. Không thấy có sự già yếu, không có, tuyệt đối không có tướng đó, không có sinh lão bệnh tử.

Tập khí vô minh vô trí đã đoạn tận, tướng sẽ không còn nữa, sẽ quay về Thường tịch quang, như vừa tỉnh giấc mơ. Tỉnh mộng quay về Thường tịch quang, quay về Thường tịch quang, chúng ta sẽ thế nào? Ta sẽ cùng khắp pháp giới hư không, tinh thần ta cùng khắp pháp giới hư không, thân thể ta cũng biến khắp pháp giới hư không, tại sao? Ta có thể hiện hình tùy ý, đều có thể biến. Nếu không phải ở thế giới Cực Lạc, mà ở chỗ này làm sao ta có thể hiện tướng? Tùy theo ý muốn!

Từ vô lượng kiếp đến nay chúng ta không biết, mình đã trải qua bao nhiêu thế giới, tinh cầu. Không biết đã kết thiện duyên, ác duyên cùng bao nhiêu người. Lúc đã thành Phật, tất cả đều biến thành pháp duyên, duyên

thiện ác đều trở thành duyên pháp. Bình đẳng như nhau, tự tha không hai. Bởi vậy nếu bạn nói nơi nào dễ sống nhất, thế giới Cực lạc là nơi dễ sống nhất.

Thế giới đó, chúng ta so thế nào cũng không thể so được, không nên cho rằng, cô đơn lắm khi đến thế giới Cực lạc, tôi không quen biết ai cả, sai lầm. Ai ai ta cũng quen khi đến thế giới Cực lạc, mỗi người đều là người quen. Từ vô lượng kiếp đến nay, đã làm anh em chị em, gia thân quyến thuộc. Cũng đã là bạn bè của nhau, cũng đã là oan gia đối đầu của nhau, gặp nhau hết, tất cả đều được giác ngộ.

Bởi thế chúng ta phải nhận thức rõ ràng, khi đã nhận thức rồi, ta mới muốn đi, thực sự muốn đi. Khi thực sự muốn đi bạn sẽ buông bỏ, bởi thế cái gì là chân? Chưa buông bỏ bạn vẫn là giả, bạn vẫn chưa chân, buông bỏ mới là chân. Đừng trầm luân mãi trong thế giới này, tất cả đều là giả. Xem chúng ta đã thực sự tin chẳng, thực sự phát nguyện chẳng, thực sự muốn vãng sinh chẳng, hoàn toàn thấy được nơi việc làm của chúng ta.

“*Nay những gì kinh nói*”, bộ kinh này đây, những gì được nói trong Kinh Vô Lượng Thọ: “*Đúng là sự lí vô ngại pháp giới của Như Lai và sự sự vô ngại pháp giới là pháp thậm thâm vậy*”. Lí sự vô ngại, sự sự vô ngại, chỉ có Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa nói đến và Kinh Vô Lượng Thọ nói đến, đây gọi là pháp nhất thừa. Pháp nhất thừa là đại pháp cứu cánh viên mãn.

Học những kinh này, không chỉ dạy chúng ta làm A La Hán, cũng không phải dạy chúng ta làm Bồ Tát, mà dạy chúng ta đi làm Phật. Bởi vậy vãng sinh đến thế giới Cực lạc, người đó là gì? Đi làm Phật, đó là phước báo lớn nhất, đó là công đức lớn nhất! Tất cả công đức và phước báo đó đều xung tánh, đây là gì? Đó là thứ vốn đầy đủ trong tự tánh, không phải từ bên ngoài. Nhưng khi chúng ta muốn đi, bên ngoài sẽ có chướng ngại, phải trút bỏ những chướng ngại bên ngoài đó, chúng ta mới qua ải một cách thuận lợi, như thế mới thành tựu.

Chướng ngại là gì? Chấp trước phân biệt, khởi tâm động niệm, đây là ba thứ chướng ngại. Khi ba thứ chướng ngại không còn, ta vãng sinh thế giới Cực lạc, là Thật báo trang nghiêm độ. Đoạn được hai trong ba thứ chướng ngại, không phân biệt không chấp trước, vãng sinh Phương tiện hữu dư độ, không phải Thật báo độ.

Chỉ đoạn một trong ba thứ chướng ngại, không phân biệt không chấp trước, sinh Phạm thánh đồng cư độ, vãng sinh thượng bói. Thượng bói là thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm. Những người như thế vãng sinh thế giới Cực lạc, khi đi họ rất tự tại. Họ biết trước giờ mất, biết trước ba tháng, biết trước một năm, rất rõ ràng, thấy rất rõ, không cần

người trợ niệm khi vãng sinh. Những người cần trợ niệm mới vãng sinh, là vãng sinh hạ bói.

Hạ thượng phẩm, hạ trung phẩm, hạ hạ phẩm, trợ niệm là cần thiết. Đối với trung phẩm trở lên, nói chung là không cần phải trợ niệm, bản thân họ sinh tử tự tại. Chúng ta đã thấy, có người đi khi đứng, đi khi ngồi, căn bản không cho ai biết, tại sao? Khởi bị phiền phức, khi đi rồi mới biết. Những người đi như thế, phẩm vị không phải hạ bói, trung bói trở lên.

Ngày nay chúng ta mong cầu, ít nhất là mong cầu đến trung bói trở lên, Phạm thánh đồng cư độ, tại sao? Khi đi không còn chướng ngại, không cần nói với bất kỳ ai, như thế để làm gì? Tình chấp mới thực sự đoạn hết. Khi gần mất sợ tình chấp, lưu luyến những thứ đó, không bỏ được thứ đó, sẽ rắc rối, không thể đi được, mất cơ hội vãng sinh lần này. Bởi thế, phương pháp yên tâm nhất, phải đạt được vãng sinh trung bói, là không có thứ chướng ngại này.

Phần dưới giải thích cho chúng ta về: “*Vô trước*”, vấn đề này rất quan trọng. “*Không có ý chấp trước*”, niệm Phật như thế chắc chắn vãng sinh, người công phu cao sẽ sinh Phương tiện hữu dư độ. Như Kinh Kim Cang nói: “*Không có định pháp nào, tên A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, cũng không có định pháp nào Như Lai nói*”. Hai câu này trong Kinh Kim Cang, nói những lời chân thật với ta.

Tam Miệu Tam Bồ Đề dịch sang tiếng Trung là vô thượng chánh đẳng chánh giác, rốt cuộc câu này nói những gì? Là nói trí tuệ Bát nhã vốn có trong tự tánh, thứ vốn có trong tự tánh không có tên, Phật đặt cho nó cái tên. Tên là giả thiết, tên có thể đổi, thích dùng tên nào, thì dùng tên đó. Bởi thế không có định pháp nào để nói, cũng không có định pháp nào Như Lai nói.

Bốn mươi chín năm Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết pháp cho chúng ta, nên biết rằng không có định pháp nào để nói. “*Tại sao vậy? Pháp Như Lai nói, đều không thể nắm bắt, không thể nói, nó là phi pháp, phi phi pháp*”. Đạo lý những câu này rất cao sâu, những lời Như Lai nói đều không được nắm giữ, giữ là gì? Chấp trước, tại sao không giữ được? Trong tự tánh không có pháp, nếu chấp trước những lời này, sẽ mãi mãi không bao giờ kiến tánh, sẽ sai lầm.

Cổ nhân có thí dụ, Phật thuyết pháp được ví như lá vàng ngừng khóc (黄叶止啼). Trong kinh Phật có công án này, nghĩa là sao? Đứa trẻ đang khóc, người lớn nhặt chiếc lá vàng, chiếc lá rụng từ trên cây xuống. Chiếc lá màu vàng rất xinh rơi xuống, lá vàng mùa Thu, lấy nó để dỗ đứa bé: Ngoan nào, cầm cái này, giá trị lắm đấy, có thể đổi được kẹo. Cầm chiếc lá thằng bé liền nín, mục đích là dỗ dành nó, đạt được kết quả như ý. Nhưng nó không phải thật, đừng nên cho là thật.

Phật thuyết pháp cũng như thế, dùng lá vàng dỗ trẻ. Quý vị đừng cho là thật, nếu tưởng thật là đã mắc lừa. Tất cả pháp Phật nói giúp ích gì? Giúp chúng ta giác ngộ, giác ngộ vấn đề không phải đã được giải quyết ư? Có nhiều phương pháp giúp người giác ngộ, căn tánh mọi người khác nhau, người nào dùng cách đó. Không phải tất cả chúng sinh đều dùng một phương pháp, vô lượng pháp môn là vô lượng phương tiện.

Phương pháp niệm Phật Tịnh độ, bất kể căn tánh thế nào, đều có thể học, đều mang lại hiệu quả, phương pháp này rất hay. Nếu không biết căn tánh của mình là gì, nên dùng phương pháp này, chắc chắn không bỏ lỡ. Những phương pháp khác, cần phải tương ứng với căn tánh của mình mới mang lại kết quả, không tương ứng sẽ không kết quả. Vì thế tại sao chư Phật Như Lai khen ngợi pháp môn Tịnh độ, tán thán đạo lý trong Kinh Vô Lượng Thọ là ở chỗ đó. Vì nó thông dụng, vạn linh đan, bệnh nào chữa cũng khỏi, không bệnh nào chữa không khỏi.

Đây chính là pháp sư Từ Vân Quán Đảnh đời nhà Thanh đã nói với chúng ta. Chúng ta phải tin, tiêu nghiệp chướng. Ngài nói nghiệp chướng của chúng ta quá nặng, cho dù kinh gì, pháp sám nào đều không hiệu quả, không thể tiêu được nghiệp chướng của ta. Cuối cùng có một phương pháp, chấp trì danh hiệu, chắc chắn sẽ tiêu, mấu chốt của việc có thể tiêu hay không là chỗ nào? Chúng ta đã tin hay chưa, thật sự tin thì có thể tiêu, ta đang hoài nghi, như thế thì chịu.

Tâm không chút hoài nghi, như trường hợp ở tiểu viện Sơn Tây mấy năm trước. Bốn mươi mấy người bị chứng ung thư, bác sĩ tuyên bố không thể chữa trị, nói với họ về nhà, chắc còn khoảng được hai ba tháng thời gian, những người này quay về. Họ là những người niệm Phật, người có học Phật, vì vậy không có ý nghĩ muốn sống thêm nữa, quyết tâm niệm Phật cầu vãng sinh Tịnh độ, quyết làm. Kết quả niệm hơn một tháng, niệm xong lại tiếp tục niệm. Sau ba tháng quay lại tái khám bệnh không còn nữa.

Giới y học cảm thấy kì lạ, lục tất cả bệnh án xem lại, ngày trước có thật, sao bây giờ biến mất? Lẽ nào chẩn đoán nhầm, người đông thế, đây là gì? Pháp sư Quán Đảnh đã nói, một câu danh hiệu sẽ mang lại kết quả như thế! Nếu những người kia không chân thành, khẩn thiết như thế, niệm Phật như những người bình thường khác, không mang lại kết quả. Đây chính là thành kính như đại sư Ấn Quang đã nói: Mười phần thành kính sẽ được mười phần lợi ích. Những người này là trăm phần thành kính, được trăm phần lợi ích, nghìn phần thành kính sẽ được nghìn phần lợi ích.

Hồi trước tôi đã từng nói, tôi mượn ngài Thần Tú và Huệ Năng, dùng hai vị ấy làm thí dụ. Đại sư Thần Tú thành kính trăm phần với thầy, thành kính

trăm phần với Phật pháp, ngài được trăm phần lợi ích. Nhưng Huệ Năng đối với thầy mình, đối với Phật pháp, thành kính vạn phần, vì thế những gì ngài có được là viên mãn, được vạn phần lợi ích. Tuy thầy chỉ nói Kinh Kim Cang với ngài có hai tiếng, ngài được vạn phần lợi ích. Câu nói của Ấn Tổ rất hay, ta được bao nhiêu tâm thành kính.

Một số người bây giờ không có thành kính, bởi thế bây giờ khó, không có thành kính họ không được lợi ích, càng không tin Phật. Những gì khởi lên đề tác dụng tương phản. Bởi vậy phải thực sự có tâm thành kính, đến kéo họ, khiến họ thấy được, họ mới tin. Lòng tin đó chẳng qua một phần, hai phần mà thôi. Nếu muốn trăm phần, nghìn phần đối với họ, đây không phải chuyện dễ, không thể không hiểu đạo lý này!

Bởi thế phải hiểu được tính chất của tất cả pháp Thế Tôn nói trong bốn mươi chín năm: Không thể nắm giữ, không thể nói, phi pháp, phi phi pháp. Phật thực sự đã nói tất cả sự thực chân tướng cho chúng ta.

Phá Không Luận giải thích, Phá Không Luận là tác phẩm của đại sư Ngẫu Ích chú giải Kinh Kim Cang, những lời này là của đại sư Ngẫu Ích: “*Bồ đề vô thượng, siêu tình li kiến, tức là bỉ ngạn cứu cánh*”. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, dịch sang tiếng Trung là Bồ đề vô thượng, Bồ đề vô thượng siêu tình, tình là gì? Tình chấp, có tình chấp thì không thể hiểu được.

Kiến, kiến là kiến giải, nghĩa là ta có cách nhìn của mình, chỉ cần có tư duy, Bồ đề vô thượng cách ta rất xa. Hai chữ này: Một là tình, hai là kiến, nếu dùng lời hơi thô để nói, tình là tư tưởng, kiến là kiến giải. Chỉ cần có cách nghĩ, có cách nhìn, ta sẽ không còn cách nào, mãi mãi không bao giờ nhìn thấy. Bởi thế nó được gọi là cứu cánh bỉ ngạn.

Cứu cánh bỉ ngạn là gì? Thường tịch quang, thực sự là cứu cánh, Thật báo độ vẫn chưa được, chưa phải cứu cánh. Nó gần Thường tịch quang, cực kì gần, làm hàng xóm của Thường tịch quang, nhưng không phải cứu cánh. Nhưng nếu muốn vào Thường tịch quang, chắc chắn cần bước qua Thật báo độ, không qua Thật báo độ bạn không thể đến được.

“*Không những không phải tướng pháp, mà tướng vô pháp cũng không được*”, pháp tướng, phi pháp tướng đều không có. “*Nên nói pháp không định có tên Bồ đề vô thượng*”, đây vẫn là lời của đại sư Ngẫu Ích, chúng ta đọc hết câu của ngài: “*Những gì chứng được vừa siêu tình li kiến, những gì nói ra cũng siêu tình li kiến, nên nói lại không có định pháp nào Như Lai nói ra*”. Những đoạn dẫn chứng như thế này rất dài, chúng ta tiếp tục đọc: “*Tại sao thế? Thật tướng bỉ ngạn, tuy là ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt, không thể không nói, nên Như Lai dùng nhân duyên tứ tất đàn vậy, nên có thể nói, nhưng những pháp nói ra do tùy thuận tứ tất đàn, bởi thế mỗi lời, mỗi chữ,*

không thứ nào là không siêu tình lí kiến, li quá tuyệt phi, nhưng đều không giữ được, không thể nói, phi pháp, phi phi pháp vậy”. Đến chỗ này, đoạn này là lời của đại sư Ngẫu Ích.

Đại sư nói rất hay, giống như đoạn trước đã nói: “*Tướng phi pháp, cũng là tướng vô pháp*”, bởi thế Phật thuyết pháp rất linh hoạt, đúng là lá vàng đổi trẻ, học Phật ta đạt được gì? Phật cho ta biết: Không có sở đắc nào cả. Bồ đề viên mãn, qui về vô sở đắc, thế nào là vô sở đắc? Những gì ta nhận được vốn ta có sẵn. Khi trí tuệ mở ra, có được trí tuệ, đó là trí tuệ có sẵn trong tự tánh của ta. Bỏ đi chương ngại, nó sẽ có mặt, đức năng cũng là thứ vốn sẵn, tướng hảo cũng là thứ vốn sẵn.

Cũng giống như nói thân Phật ở thế giới Cực lạc, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp. Là thân ta vốn sẵn có, vốn ta đã có những thứ đó. Những thứ trang nghiêm không gì sánh ở thế giới Cực lạc, cũng vốn sẵn trong ta, ta không sở đắc gì cả. Cũng giống như nói chúng ta quay về nhà xưa, thấy tất cả đều là của mình, ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm.

Ta nhìn lại tất cả quốc độ chư Phật, mười pháp giới, lục đạo trong quốc độ chư Phật, tất cả vốn sẵn, là nhất thể. Khi thấy nhiều như thế, chưa giác ngộ, chưa phản tỉnh, tâm từ bi đã sinh ra, đã khởi cảm ứng đạo giao với họ, cảm ứng là gì? Tâm họ có giác ngộ, chịu nhiều nỗi khổ, muốn lìa khổ được vui. Có ý niệm như thế, ta liền giúp đỡ họ, không có suy nghĩ đó, ta như như bất động. Họ có suy nghĩ đó, ta sẽ có cảm động, sẽ giúp đỡ, dùng phương thức nào để giúp đỡ họ? Tùy tâm chúng sinh mà biến hiện ra như thế.

Người ở Thường tịch quang, tuyệt đối không khởi tâm động niệm, nhưng có cảm tự nhiên có ứng. Giống như chúng ta đánh trống, đánh mọi dùi, nó liền kêu, nó không nghĩ: Bạn đánh tôi, tôi phải vang một tiếng để bạn nghe, nó không nghĩ vậy. Chư Phật Bồ Tát thị hiện đến thế giới chúng ta, không có khởi tâm động niệm. Ngay Phật Thích Ca Mâu Ni, đến ở thế gian này tám mươi năm, bạn nghĩ ngài có hay không khởi tâm động niệm? Không có, nếu ngài khởi tâm động niệm, không phải đã thôi chuyên rồi sao? Không những không khởi tâm động niệm, mà phân biệt, chấp trước cũng không.

Vậy tại sao nói pháp nhiều như thế? Nếu quý vị thắc mắc, ngài trả lời quý vị. Quý vị thắc mắc, giống như đánh trống vậy, tự nhiên hồi ứng, không bao giờ nghĩ. Tôi phải nói cho bạn thế nào, không có. Nếu nghĩ như thế quý vị đã nhầm, bốn mươi chín năm Phật chưa bao giờ khởi tâm động niệm. Không hỏi tự nói, không ai hỏi ngài vẫn nói là gì? Miệng không nói, nhưng trong đầu ta đã có những ý nghĩ đó, ngài đã biết, ta chưa mở miệng ngài đã nói cho ta nghe.

Bởi thế nếu hỏi Phật có thuyết pháp không? Phật thực sự không nói, toàn là phản ứng, ngài có thuyết pháp đâu? Ta không có cảm, ngài sẽ không có ứng, cảm ứng đạo giao bất khả tư nghị. Nên không nói mà nói, nói mà không nói.

Bồ Tát còn ghê gớm hơn chúng ta, Bồ Tát có biện pháp, nghe mà không nghe, không nghe mà nghe. Bởi thế Bồ Tát hiểu những lời Phật dạy, hiểu những lời Phật dạy là nói, Bồ Tát cũng có mấy phần quay về tự tánh. Tương ứng với tánh đức, họ có thể hiểu, nghe là hiểu. Phạm phu không như thế, tập khí phiền não quá nặng, chướng ngại quá lớn, nói thế nào, nghe thế nào cũng không được. Chỉ có một cách, người này thực sự có phước báo, tại sao lại nói đại phước báo? Họ có duyên, trường thời huân tu. Nghĩa là nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, sức mạnh đó rất lớn, huân tập mỗi ngày.

Đem tất cả những thiện căn đời trước của họ, hun đúc thành thiện căn sâu nặng, đời này họ sẽ thành tựu. Duyên đó nếu đủ, không ai có thể ngăn trở, duyên của họ có thể không gián đoạn. Nếu có rất nhiều chuyện đến với họ, họ đành bó tay, duyên đã mất, khi có khi không. Mười năm không bằng người ta một tháng, nhân duyên rất quan trọng! Duyên tốt nhất là đóng cửa, đoạn tuyệt với tất cả những gì bên ngoài, nhất tâm niệm Phật, đọc kinh.

Mấy năm trước, cư sĩ Hoàng Trung Xương ở Thẩm Quyến, ông biểu diễn cho chúng ta thấy, rất thành công. Ông đóng cửa ba năm, mong ba năm sẽ chứng được, vãng sinh. Hai năm mười tháng, thiếu ba tháng đầy hai năm, ông biết trước giờ mất, và ra đi, ba mươi tuổi mới xuất đầu! Ông muốn chứng minh một vấn đề, ông nghe tôi giảng kinh, có lần tôi nói đến những người trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sinh Truyện. Quý vị xem hầu như đa số, đều niệm Phật ba năm là vãng sanh.

Ngày trước ở Đài Loan, có một pháp sư tên Đức Dung, những người này đều đã mất, khoảng bằng tuổi tôi, hỏi tôi về việc này. Thầy đó nói, có phải tuổi thọ những người niệm Phật trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đã đến rồi chẳng? Nghe những lời đó, tôi trả lời không chắc gì, vấn đề này không logic, làm gì có lượng người đông như thế, tuổi thọ đều còn ba năm? Tôi nói không chắc đâu, là thế nào? Ba năm công phu đã thành thực, vẫn còn thọ mạng, nhưng họ không muốn, vì thế nên vãng sinh.

Phàm công phu đạt đến trình độ đó, có người nào không vãng sinh, có thể họ muốn hoằng pháp lợi sinh nên đã ở lại. Nếu không có pháp duyên họ liền đi, đây là chuyện bình thường, có pháp duyên chưa thể đi, tại sao? Đem thêm nhiều người đi! Đây là bản nguyện Di Đà, có thể đem bao nhiêu, càng nhiều càng tốt, không còn pháp duyên thì sao? Không còn pháp duyên lập tức đi ngay, một ngày cũng không ở, nên hiểu theo cách đó.

Bởi thế Hoàng Trung Xương, khi nghe lời pháp này, ông thử nghiệm: Tôi thử xem, nếu ba năm thực sự thành công, không cần sống nữa, tôi sẽ đi, thực sự thành công! Pháp duyên rất quan trọng.

Mấy năm trước ở Đài Loan, thầy Lí rất coi trọng việc này, giao cho những người học kinh giáo, phải biết kết pháp duyên. Nếu không có pháp duyên, cho dù có nói hay bao nhiêu, cũng không ai nghe, tại sao? Ta không có duyên với họ, nếu có duyên, giảng kém một tí, họ cũng đến cổ vũ, họ thích đến nghe, pháp duyên quan trọng!

Làm sao để kết, rất may mỗi tuần thầy Lí giảng kinh một lần vào thứ tư, thời gian cố định. Ở Đài Trung ba mươi tám năm chưa gián đoạn, mỗi tuần một lần, ấn định thứ tư ai cũng biết, nhất định ngày thứ tư đến nghe. Hai mươi mấy học sinh chúng tôi làm công đức, tiếp đón người đến nghe ở cửa. Tiếp đón, mời chào, dẫn họ đến chỗ ngồi, nâng kinh sách trên tay đưa tặng họ. Đôi lúc đưa một ít đồ điểm tâm cho họ, để kết pháp duyên. Chúng tôi đã học được cách kết pháp duyên, đối xử cung kính, khiêm tốn với mọi người, làm quen những người như thế rất nhiều.

Mọi người biết chúng tôi học giảng kinh, bởi vậy chúng tôi luyện tập giảng kinh, lúc bấy giờ chia thành hai lớp. Chúng nam là chủ nhật, chúng nữ thứ bảy, tại Liên xã. Chúng nam ở chùa Linh Sơn, mỗi tuần chúng tôi có một lần tập giảng kinh, thỉnh chúng độ mấy mươi người, đôi lúc lên đến hơn trăm. Bởi thế việc kết pháp duyên, ở Đài Trung thầy Lí rất quan tâm, lúc nào cũng đến đốc thúc mọi người, quyết không biếng nhác.

Pháp duyên của thầy rất thù thắng, dạy học ở Đài Trung ba mươi tám năm, vãng sinh năm chín mươi bảy tuổi. Trong ba mươi tám năm đó, bao nhiêu liên hữu ở liên xã Đài Trung, tôi không rõ. Chỉ biết khi tôi rời khỏi Tôi biết thầy, lạ ông làm thầy, thầy đã dạy ở Đài Trung mười năm, liên hữu ở Đài Trung, những người có danh sách, đã là hai mươi vạn người. Khi tôi đi khỏi đó, tôi ở Đài Trung mười năm, khi tôi xa thầy, liên hữu ở liên xã Đài Trung là năm mươi vạn người.

Bởi thế tôi đùa với thầy, tôi nói nếu thầy muốn làm thị trưởng Đài Trung, thầy chỉ nói một tiếng là được, thầy sẽ được bầu ngay, tầm ảnh hưởng đến mức đó! Bởi thế tầm ảnh hưởng rộng khắp Đài Loan, đây là cuộc đời thầy. Công việc của thầy mỗi ngày bận bịu, mỗi tuần giảng kinh một lần, giảng cổ văn một lần, đây là đối với đại chúng. Ngoài ra buổi chiều mỗi ngày, không bao giờ gián đoạn, một năm ba trăm sáu mươi ngày, ngày nào cũng vậy, mỗi buổi chiều, đại loại có hai giờ tiếp tin đồ, là liên hữu liên xã Đài Trung. Họ có những vấn đề muốn thỉnh giáo, muốn gặp thầy, mỗi tháng một lần.

Bởi thế thầy có bốn mươi tám lớp niệm Phật, ngày nào cũng tiếp khách, phải giải đáp thắc mắc, rất vất vả!

Khi tôi biết thầy, thầy đã bảy mươi tuổi, khi tôi đi, tám mươi, chín mươi bảy mới vắng sinh. Thực sự là tấm gương sáng cho những người học Phật chúng ta, suốt đời sống kham khổ. Chín mươi lăm tuổi vẫn tự sinh hoạt, tự nấu cơm, giặt quần áo.

Bởi thế ngày nay chúng ta, phước báo lớn hơn thầy, không nấu nướng, không giặt dũ, thầy không để ai săn sóc. Chín mươi lăm tuổi mới chịu để hai học sinh săn sóc, nhưng hai năm, độ ba năm, thầy đã ra đi. Cho thấy sức khỏe thầy rất tốt, có thể tự săn sóc mình, không cần người khác.

Thời gian hôm nay đã hết, chúng ta học đến đây.

Hết tập 583